



**Hanna Instruments S.R.L.**

Số lần sửa đổi: 4  
Ngày: 06/10//2022  
Ngày in: 06/10//2022  
Trang: 1 / 9  
Bản sửa đổi đã thay thế số 3  
( ngày 03/04/2021)

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**

## Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Theo Hazcom Liên bang Hoa Kỳ 2012 và HPR Canada - WHMIS 2015

### PHẦN 1. Nhận biết chất/hỗn hợp & thông tin về công ty/nhà máy

#### 1.1. Nhận biết sản phẩm:

Mã sản phẩm HI5011  
Tên sản phẩm Dung dịch đệm pH 11.00

#### 1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:

Mục đích sử dụng Hiệu chuẩn điện cực pH

#### 1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Tên công ty **Hanna Instruments S.R.L.**  
Địa chỉ **Str. Hanna Nr. 1**  
Quận và Thành phố **457260 Ioc. Nusfalau (Salaj)**  
**Romania**  
Điện thoại **(+40) 260607700**  
Fax **(+40) 260607700**

Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất: [msds@hanna.ro](mailto:msds@hanna.ro)  
Phân phối sản phẩm bởi : HANNA INSTRUMENTS, INC - 584 Park East Drive, Woonsocket, Rhode Island, USA  
02895 – Technical Service Contact Information: +1800 426-6287 Email: [sds@hannainst.com](mailto:sds@hannainst.com)

#### 1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Đối với các trường hợp khẩn cấp Thông tin liên hệ khẩn cấp UK, London: +44 8708200418 – CHEMTREC 24h/365 ngày  
cấp, tham khảo - Quốc tế: +17035273887 – CHEMTREC 24 giờ/365 ngày

### PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại

#### 2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Sản phẩm không được phân loại nguy hiểm theo quy định được đưa ra trong Tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication Standard (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Biểu tượng nguy hại: --

Tự hiệu: --

Báo cáo nguy hại: --

Ký hiệu để phòng tránh: --

Phản ứng: --

Bảo quản: --

Xử lý: --

#### 2.2. Các nguy hại khác:

Thông tin không có sẵn

### PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần

#### 3.2. Hỗn hợp

Sản phẩm không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho sức khỏe con người hoặc môi trường theo các điều khoản được quy định trong Tiêu chuẩn Truyền thông về Nguy cơ (HCS) của OSHA (29 CFR 1910.1200).

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00****PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu****4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Không có yêu cầu đặt biệt. Khuyến khích tuân thủ vệ sinh công nghiệp tốt.

**4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn:**

Thông tin cụ thể về các triệu chứng và ảnh hưởng do sản phẩm gây ra vẫn chưa được kiểm chứng.

**4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt:**

Không có thông tin

**PHẦN 5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy****5.1. Phương tiện chữa cháy**

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÍCH HỢP

Phương tiện chữa cháy phải là loại thông dụng: các-bon đi-ô-xit, bọt, bọt và phun nước.

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP

Không có thông tin cụ thể

**5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp:**

CÁC NGUY HẠI DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ CHÁY

Không hít phải các sản phẩm cháy.

**5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa:**

THÔNG TIN CHUNG

Sử dụng vòi phun nước để làm mát thùng chứa, tránh hiện tượng phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có thể gây nguy hại đến sức khỏe. Luôn đeo bộ thiết bị phòng chống hỏa hoạn đầy đủ. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống cống rãnh. Xử lý nước chữa cháy đã sử dụng và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành.

THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA

Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mạch hở, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).

**PHẦN 6. Xử lý hóa chất xả ra bất ngờ****6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Đeo thiết bị bảo hộ thích hợp nếu khói hoặc bột phát tán vào không khí. Các dấu hiệu này áp dụng đối với nhân viên xử lý và các cá nhân liên quan trong các quy trình khẩn cấp.

**6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:**

Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.

**6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh**

Hạn chế sử dụng đất hoặc vật liệu trơ. Thu gom sản phẩm chảy tràn cho vào thùng chứa thích hợp. Nếu không có chống chỉ định, sử dụng vòi phun nước để loại bỏ lượng sản phẩm dư thừa.

Vật liệu nhiễm bẩn phải được tiêu hủy theo các điều khoản đưa ra tại điểm 13.

**6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác**

Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00****PHẦN 7. Xử lý và bảo quản****7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:**

Trước khi xử lý sản phẩm, đọc toàn bộ các phần khác trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này. Tránh sản phẩm rò rỉ vào môi trường. Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi sử dụng.

**7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các vật liệu không tương thích:**

Bảo quản sản phẩm trong các thùng chứa được dán nhãn rõ ràng. Đặt tránh xa các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm thông tin chi tiết.

**7.3. Cách sử dụng cuối cụ thể**

Không có thông tin

**PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc và bảo vệ cá nhân****8.1. Các thông số kiểm soát**

Không có thông tin

**8.2. Kiểm soát phơi nhiễm:**

Tuân thủ các biện pháp an toàn thường được áp dụng khi xử lý các chất hóa học.

**BẢO VỆ TAY**

Không yêu cầu.

**BẢO VỆ DA**

Không yêu cầu.

**BẢO VỆ MẮT**

Không yêu cầu.

**BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP**

Nếu vượt quá giá trị ngưỡng (ví dụ TLV-TWA) đối với một chất hoặc một trong các chất có trong sản phẩm, hãy đeo khẩu trang có bộ lọc được NIOSH chứng nhận, loại phải được chọn theo giới hạn nồng độ sử dụng (NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134). Khi có các loại khí hoặc hơi khác nhau và khí hoặc hơi có chứa hạt (bình xịt khí, khói, sương mù, v.v.), cần có các bộ lọc kết hợp

Nếu các biện pháp kỹ thuật được sử dụng không phù hợp để bảo vệ người lao động thì các thiết bị bảo vệ hô hấp phải được sử dụng. Trong mọi trường hợp, sự bảo vệ của mặt nạ rất hạn chế.

Nếu chất được xem xét là không mùi hoặc ngưỡng khứu giác của nó cao hơn TLV-TWA tương ứng và trong trường hợp khẩn cấp, hãy đeo thiết bị thở khí nén mạch hở hoặc thiết bị thở khí nạp bên ngoài. Để có lựa chọn chính xác về thiết bị bảo vệ hô hấp, hãy xem tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134.

**KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường.

**PHẦN 9. Đặc tính lý hóa****9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản:**

<b>Tính chất</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Thông tin</b>
Ngoại quan	Chất lỏng	
Màu sắc	Không màu	
Mùi	Không mùi	
Ngưỡng mùi	Không có sẵn	
pH	11	Phương pháp: ASTM D1293-18 Nhiệt độ: 25°C
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin	
Điểm bắt đầu sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	Không có thông tin	
Nhiệt độ tự động đánh lửa	Không có thông tin	

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**

Khả năng bắt cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	175
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	1
Khả năng hòa tan	Tan trong nước
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Tính chất nổ	Không có thông tin
Tính oxi hóa	Không có thông tin

**9.2. Thông tin khác:**

Tổng hợp chất rắn (250°C / 482°F) 0,60%

**PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng****10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

**10.2. Tính ổn định hóa học:**

Sản phẩm ổn định trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:**

Không có các phản ứng nguy hại có thể dự đoán trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.4. Điều kiện cần tránh**

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên, phải chú ý đến các biện pháp phòng ngừa thông thường áp dụng đối với các sản phẩm hóa chất.

**10.5. Vật liệu không tương thích**

Không có thông tin

**10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại**

Không có thông tin

**PHẦN 11. Thông tin về độc tính**

Dựa theo thông tin hiện thời, sản phẩm này không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Tuy nhiên, người dùng cần tuân thủ quy trình vận hành công nghiệp khi sử dụng.

**11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính theo quy định (EC) số 1272/2008**Trao đổi chất, độc tính, cơ chế hoạt động và thông tin khác  
Thông tin không có sẵnThông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm  
Thông tin không có sẵnCác tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn  
Thông tin không có sẵnHiệu ứng tương tác

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**

Thông tin không có sẵn

**ĐỘC CẤP TÍNH**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

**TỒN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

**MẮN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**Mẩn cảm đường hô hấp**

Không có thông tin

**Mẩn cảm với da**

Không có thông tin

**ĐÔT BIẾN TẾ BÀO MÀM**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**ĐỘC VỚI HỆ SINH SÀN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**STOT – PHỔI NHIỄM MỘT LẦN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**STOT – PHỔI NHIỄM NHIỀU LẦN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**PHẦN 12. Thông tin về sinh thái**

Sử dụng sản phẩm này theo các thực hành làm việc tốt. Tránh xả thải. Thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền nếu sản phẩm đi vào các nguồn nước hoặc xả vào đất hoặc nhiễm độc thực vật.

**12.1 Độc tính**

Không có sẵn

**12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:**

Không có sẵn

**12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học**

Không có thông tin

**12.4. Khả năng di chuyển trong đất:**

Không có thông tin

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00****12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:**

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

**12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác**

Không có thông tin

**PHẦN 13. Cân nhắc khi tiêu hủy****13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải**

Sử dụng lại khi có thể. Phần cặn bã của sản phẩm được xem là rác thải không nguy hại đặc biệt. Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.  
**BAO BÌ NHIỄM BẮN**  
Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.

**PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển**

Sản phẩm này không nguy hiểm theo các điều khoản hiện có của Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường sắt (RID), thuộc các quy định của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển (IMDG) và Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).

**14.1 Số UN**

Không áp dụng

**14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN**

Không áp dụng

**14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển**

Không áp dụng

**14.4. Nhóm bao bì**

Không áp dụng

**14.5. Các nguy hại đến môi trường**

Không áp dụng

**14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng**

Không áp dụng

**14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC**

Không có thông tin liên quan.

**PHẦN 15. Thông tin quản lý****15.1. Các quy định/luật pháp riêng biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với chất hoặc hỗn hợp:**

Quy định Liên bang Hoa Kỳ:

TSCA:

Tất cả các thành phần của sản phẩm này được liệt kê trong kho của Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA) của Hoa Kỳ hoặc danh sách được miễn yêu cầu.

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**Đạo luật Không khí Sạch Mục 112(b):

Không có các thành phần được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch Mục 602 Chất loại I:

Không có các thành phần được liệt kê

Đạo luật Không khí Sạch Mục 602 Chất loại II:

Không có các thành phần được liệt kê

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm ưu tiên:

Không có các thành phần được liệt kê

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm độc hại:

Không có các thành phần được liệt kê

DEA List I Hóa chất (Hóa chất tiền thân):

Không có các thành phần được liệt kê

DEA List II Hóa chất (Hóa chất thiết yếu)

Không có các thành phần được liệt kê

Danh sách danh sách của

EPA: 313 Mã danh mục

Không có các thành phần được liệt kê

EPCRA 302 EHS TPQ

Không có các thành phần được liệt kê

EPCRA 304 EHS RQ:

Không có các thành phần được liệt kê

CERCLA RQ:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

EPCRA 313 TRI:

Không có các thành phần được liệt kê

Mã RCRA:

Không có các thành phần được liệt kê

CAA 112 (r) RMP TQ:

Không có các thành phần được liệt kê

**Quy định của bang**Massachusetts:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

Minnesota:

Không có thành phần được liệt kê.

**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**New Jersey:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

New York:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

Pennsylvania:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

California:

7558-79-4 DI-SODIUM HYDROGEN PHOSPHATE

Đề xuất 65:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được biết đến là gây ung thư, tổn hại sinh sản hoặc dị tật bẩm sinh ở Tiểu bang California.

Quy định quốc tế:Các chất phải báo cáo xuất khẩu theo Quy định (EU) 649/2012:

Không có

Hóa chất theo Công ước Rotterdam:

Không có.

Hóa chất theo Công ước Stockholm:

Không có.

**PHẦN 16. Thông tin khác****CHÚ THÍCH:**

- 313 CATALOGY CODE: Lập kế hoạch khẩn cấp và Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng Mục 313 Mã danh mục
- ADR: Thỏa thuận Châu Âu liên quan đến việc vận chuyển Hàng nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 ® RMP TQ: Số lượng Ngưỡng Kế hoạch Quản lý Rủi ro (Mục Đạo luật Không khí Sạch 112®)
- CAS NUMBER: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ Hiệu quả (cần thiết để giảm 50% tác động)
- CERCLA RQ: Số lượng có thể báo cáo (Phản ứng toàn diện về môi trường, bồi thường và đạo luật trách nhiệm)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Cơ quan Thực thi Ma túy
- EmS: Kế hoạch Ứng phó Tình huống Khẩn cấp
- EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ
- EPCRA: Lập kế hoạch Khẩn cấp và Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng
- EPCRA 302 EHS TPQ: Số lượng Lập kế hoạch ngưỡng Chất Cực kỳ Nguy hiểm (Mã loại mục 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Số lượng chất cực kỳ nguy hiểm có thể báo cáo (Mã danh mục Phần 304)
- EPCRA 313 TRI: Khoảng không quảng cáo phát hành chất độc (Mã danh mục Phần 313)
- GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất
- IATA DGR: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế Quy định về hàng hóa nguy hiểm
- IC50: Nồng độ cố định 50%
- IMDG: Bộ luật hàng hải quốc tế về hàng nguy hiểm
- IMO: Tổ chức hàng hải quốc tế
- LC50: Nồng độ gây chết người 50%
- LD50: Liều gây chết người 50%
- OEL: Mức phơi nhiễm nghề nghiệp
- PEL: Mức phơi nhiễm dự đoán
- Mã RCRA: Bộ luật Bảo tồn và Phục hồi tài nguyên



**HI5011 – Dung Dịch Đệm pH 11.00**

- REACH: Quy định (EC) 1907/2006
- REL: Giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị
- RID: Quy định liên quan đến việc vận chuyển quốc tế hàng nguy hiểm bằng tàu hỏa
- TLV: Giá trị giới hạn ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ không được vượt quá trong bất kỳ thời gian tiếp xúc nghề nghiệp nào
- TSCA: Đạo luật kiểm soát các chất độc hại
- TWA STEL: Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn
- TWA: Giới hạn phơi nhiễm trung bình theo thời gian
- VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc

**TÀI LIỆU THAM KHẢO: - Bản sửa đổi GHS. 3**

- Merck Index. Phiên bản thứ 10
- Xử lý An toàn Hóa chất
- Niosh - Cơ quan đăng ký về tác động độc hại của các chất hóa học
- INRS - Fiche Toxicologique (tờ độc chất học)
- Patty - Vệ sinh Công nghiệp và Độc chất
- NI Sax - Các đặc tính nguy hiểm của Vật liệu Công nghiệp - Phiên bản 7, 1989 - Trang web của ECHA
- Patty - Industrial Hygiene and Toxicology
- NI Sax - Dangerous properties of Industrial Materials-7, 1989 Edition
- Trang web ECHA
- Cơ sở dữ liệu về các mô hình SDS cho hóa chất
- Bộ Y tế và ISS (Istituto Superiore di Sanità) – Ý
- 6 NYCRR phần 597
- Trang web Cal / OSHA
- Đạo luật Thực thi Nước uống An toàn và Độc tố của California
- Trang web EPA
- Tiêu chuẩn Truyền thông Nguy hiểm (HCS 2012)
- Trang web IARC
- Danh sách Danh sách EPA: Danh sách Hợp nhất Các Hóa chất tuân theo EPCRA, CERCLA và Mục 112® của Đạo luật Không khí Sạch
- Bộ y tế công cộng Massachussets 105 CMR 670.000: "Quyền được biết"
- Minnesota Chương 5206 Khai thác Các Chất Độc hại trong Lao động và Công nghiệp, Nhân viên có "Quyền được Biết".
- Quyền của Công nhân và Cộng đồng New Jersey được biết Đạo luật NJSA
- NTP. 2011. Báo cáo về Chất gây ung thư, Phiên bản thứ 12.
- Trang web OSHA
- Pennsylvania, Danh sách Chất Nguy hiểm, Chương 323

**Lưu ý cho người dùng:**

Thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất được dựa trên kiến thức của chúng tôi vào phiên bản mới nhất. Người dùng phải làm rõ tính phù hợp và đầy đủ của thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm cụ thể.

Tài liệu này được xem là một sự bảo đảm về bất kỳ đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

Cách sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy định và điều luật hiện hành về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các cách sử dụng không thích hợp.

Chúng tôi sẽ cử nhân viên được chỉ định đã qua đào tạo bài bản về cách thức sử dụng các sản phẩm hóa học.

Phân loại sản phẩm dựa trên các phương pháp tính toán theo Phụ lục I của CLP, trừ khi được xác định khác trong Phần 12.

Các số liệu đánh giá tính chất hóa-lý được báo cáo trong phần 9

Các phần có thay đổi so với bản trước:

09 / 11 / 16.